

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Đọc hiểu đoạn trích thần thoại/sử thi (Ngoài SGK)	3	0	4	1	0	2	0	0	60
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề xã hội	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Đọc hiểu đoạn trích thần thoại (Ngoài SGK)	Nhận biết: - Xác định được phương thức biểu đạt đoạn trích/ ngôi kể/ nhân vật/ sự kiện chính,... - Chỉ ra thông tin trong đoạn trích. Thông hiểu: - Hiểu được đặc sắc về nội dung của đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình	3TN	4TN 1TL	2TL	0	10

TT	Nội dung kiến thức/kĩ	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, xây dựng nhân vật, chi tiết hoang đường kì ảo... - Hiểu được một số đặc trưng của thần thoại thể hiện trong đoạn trích. Vận dụng: - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong đoạn trích. - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung đoạn trích.					
2	LÀM VĂN	Nghị luận về một vấn đề xã hội	Nhận biết: - Xác định được vấn đề cần nghị luận - Xác định được cách thức trình bày bài văn. Thông hiểu:	1*	1*	1*	1TL*	1

Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

TT	Nội dung kiến thức/kĩ	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			- Phân tích, đánh giá được vấn đề xã hội Vận dụng: Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề nghị luận Vận dụng cao: Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, giàu sức thuyết phục.					
Tổng				3 TN	4TN, 1TL	2 TL	1 TL	11
Tỉ lệ %				20	40	30	10	100
Tỉ lệ chung				60		40		100

Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

ĐỀ BÀI

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Câu chuyện Thần núi Tản Viên

Xưa kia, vua Lạc Long khi chia con cùng nàng Âu Cơ, đem năm mươi trai về biển, trong số đó có Hương Lang. Một hôm, Hương Lang dời hải quốc vào cửa biển Thần Phù (bây giờ thuộc Nam Định), lòng những muốn tìm một nơi cao ráo thanh u, dân chúng thuần hậu mà ở. Thần chèo thuyền từ sông Cái đến làng Long Đậu, thành Long Biên, rồi lại chèo từ sông Linh Giang đến bến Phiên Tân thuộc huyện Phúc Lộc.

Tới đây, thần trông thấy núi Tản Viên mỹ lệ, ba tầng cao chót vót, hình như cái tán, dân ở dưới núi tục chuộng tổ phác, thần bèn từ phía Nam núi hóa phép mở một con đường thẳng như dây đàn từ bến Phiên Tân thẳng đến Tản Viên, đường qua cánh đồng làng Vệ Đồng và làng Nham Toàn, lại qua cánh đồng Thạch Bàn, Vân Mộng, rồi lên mãi từng núi cao nhất để ở. Mỗi chặng đường nghỉ ngơi như vậy, thần bèn hóa phép hiện ra lâu đài nguy nga tráng lệ.

Thần từ khi ở núi ấy, thường thường ra chơi sông Liễu Hoàng xem cá. Chỗ nào có phong cảnh đẹp cũng đến chơi. Hễ cứ dạo gót qua thăm nơi nào lại hóa phép hiện ra đền đài nơi đó để nghỉ ngơi. Dân làng trông thấy chỗ nào có dấu đền đài, thì lại lập đình miếu để thờ.

Lại có truyền thuyết khác kể rằng thần núi Tản Viên tuy thuộc dòng dõi vua Lạc Long nhưng thuở lọt lòng bị bỏ rơi trong rừng, được một người tiều phu gặp đem về nuôi, đặt tên là Kỳ Mộng. Sở dĩ thần có tên này là vì trước khi gặp cha nuôi, đứa bé mới lọt lòng đã được dê rừng cho bú, chim chóc ấp ủ cho khỏi chết. Kỳ Mộng chóng lớn khôn, theo nghề cha nuôi ngày ngày vác rìu vào rừng đốn củi.

Một hôm, Kỳ Mộng đốn một cây đại thụ. Cây to lớn quá, chặt từ sáng đến chiều mà vẫn chưa hạ nổi. Bỏ dở ra về, đến sáng hôm sau trở vào rừng, Kỳ Mộng hết sức ngạc nhiên thấy những vết chặt đã dính liền lại khắp thân cây. Kỳ Mộng xách rìu lại chặt nữa, suốt ngày ráng hết sức không xong, đến ngày thứ hai trở lại cũng thấy cây vẫn nguyên vẹn như chưa hề bị động tới. Không nản chí, Kỳ Mộng ra công cố chặt, quyết hạ cho kỳ được, rồi đến tối ở lại nấp gần cây rình xem sự thể. Vào khoảng nửa đêm, Kỳ Mộng thấy một bà lão hiện ra, tay cầm gậy chỉ vào cây, đi một vòng quanh cây, tự nhiên những vết chặt lại liền như cũ. Kỳ Mộng nhảy ra khỏi chỗ nấp, tức giận hỏi bà lão sao lại phá công việc của mình. Bà lão nói :

– Ta là thần Thái Bạch. Ta không muốn cho cây này bị chặt vì ta vẫn nghỉ ngơi ở trên cây.

Kỳ Mộng mới phản đối:

– Không chặt cây thì tôi lấy gì mà nuôi sống?

Bà thần đưa cho Kỳ Mộng cái gậy và dặn rằng: “Gậy này có phép cứu được bách bệnh. Hễ ai ốm đau chỉ cầm gậy gõ vào chỗ đau là khỏi, vậy ta cho người để cứu nhân độ thế”.

Kỳ Mộng nhận gậy thần, từ đấy bỏ nghề kiếm củi, đi chữa bệnh cho người đau. Có một hôm, đi qua sông thấy lũ trẻ chăn trâu đánh chết một con rắn trên đầu có chữ vương, Kỳ Mộng biết là rắn lạ mới cầm gậy thần gõ vào đầu con rắn thì con rắn ấy sống lại, bò xuống sông mà đi mất.

Được vài hôm, bỗng có một người con trai, đem đồ vàng ngọc, châu báu đến nói rằng :

– Thưa ngài, tôi là Tiểu Long Hầu, con vua Long Vương bề Nam. Bữa trước tôi đi chơi trên trần, chẳng may bị bọn trẻ con đánh chết. Nhờ có ngài mới được sống, nay mang lễ vật lên xin được tạ ơn.

Kỳ Mộng nhất định không lấy. Tiểu Long Hầu mới cố mời xuống chơi dưới bể, đưa ra một cái ống linh tê, để Kỳ Mộng có thể rẽ nước mà đi.

Long Vương thấy ân nhân cứu con mình xuống chơi thì mừng lắm, mở tiệc thết đãi ba ngày, rồi đưa tặng nhiều của quý lạ, nhưng Kỳ Mộng vẫn một mực chối từ. Sau cùng Long Vương mới biểu một quyển sách ước. Lần này Kỳ Mộng nhận sách mang về trần. Cuốn sách ước chỉ gồm có ba tờ bằng da cá, ngoài bọc vỏ rùa. Ba trang sách, mỗi trang chứa một tính chất : Kim, Mộc, Hỏa... chỉ thiếu một trang Thủy mà Long Vương giữ lại.

Kỳ Mộng mới bắt đầu thử xem linh nghiệm ra sao, mở sách ra đặt tay vào trang Hỏa khấn khứa thì được nghe thấy sấm sét giữa lúc trời quang mây tạnh, rồi chỉ trong nháy mắt trên trời vùn vụt đầy mây, chớp sáng, sấm sét nổi lên rung chuyển cả bầu trời.

Kỳ Mạng mỉm cười đắc ý, đặt tay vào trang Mộc, ước ao thấy một rừng cây đi. Tức thì những cây ở trước mặt chàng tự nhiên tiến bước như một đạo quân.

Kỳ Mạng gấp sách lại, thấy mình từ đây uy quyền, sức mạnh không còn ai sánh kịp. Rồi bắt đầu lang thang đó đây cứu giúp đời. Khi đã thành thần rồi, nhân một hôm qua cửa Thần Phù, ngài mới ngược dòng sông lên núi Tản Viên, ở luôn tại đây. Với cuốn sách ước, ngài dựng lên những lâu đài cung điện nguy nga giữa chốn rừng núi hoang vu.

Từ đó tiếng đồn đi rằng núi Tản Viên do một vị thần phép thuật thần thông cai quản. Thần Tản Viên còn có tên gọi là Sơn Tinh nữa.

*Câu chuyện về Thần núi Tản Viên – Truyện thần thoại Việt Nam
– TheGioiCoTich.VN –*

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. Nghị luận
- B. Tự sự
- C. Miêu tả
- D. Biểu cảm

Câu 2. Xác định ngôi kể chính trong văn bản:

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 3. Theo văn bản, thần Tản Viên có nguồn gốc xuất thân như thế nào?

- A. Thuộc dòng dõi vua Hùng
- B. Thuộc dòng dõi vua Lạc Long
- C. Thuộc dòng dõi vua An Dương Vương
- D. Không rõ nguồn gốc

Câu 4. Đây là vật thần kì trong truyện thần Tản Viên?

- A. Cuốn sách ước
- B. Gậy Blong
- C. Chày mòn
- D. Viên đá thần

Câu 5. Văn bản *Thần Tản Viên* thể hiện nội dung chính nào dưới đây?

- A. Biết ơn người có công với cộng đồng
- B. Tôn vinh thần Tản viên
- C. Thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên của người xưa.
- D. Biết ơn thần linh và con người

Câu 6. Tác giả dân gian nhằm lí giải điều gì qua truyện *Thần Tản Viên*?

- A. Sự hình thành rừng núi, đất đá cỏ cây...
- B. Hiện tượng sấm chớp thường xuất hiện vào mùa mưa.
- C. Thần Tản Viên thích xây dựng lâu đài cung điện nguy nga.
- D. Thần Tản Viên là bạn của Thủy Tề

Câu 7. Dòng nào dưới đây không đúng với văn bản *Thần Tản Viên*?

- A. Mang yếu tố hoang đường kỳ ảo
- B. Xây dựng nhân vật chức năng nhằm cắt nghĩa, lí giải các hiện tượng tự nhiên
- C. Nhân vật có khả năng phi thường
- D. Truyện được kể theo lời nhân vật

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Kể tên những việc mà thần núi Tản Viên đã làm để giúp đỡ mọi người?

Câu 9. Hãy nêu những phẩm chất đáng quý (về đẹp) của thần núi Tản Viên được thể hiện trong đoạn?

Câu 10. “Niềm tin thiêng liêng về một thế giới mà ở đó vạn vật đều có linh hồn” là một trong những vẻ đẹp của thần thoại. Theo anh/chị, niềm tin ấy còn có sức hấp dẫn với con người hiện đại không? Viết câu trả lời trong đoạn văn ngắn khoảng 5 – 7 dòng.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận bàn luận về vai trò của sự sáng tạo trong cuộc sống?

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm														
I		ĐỌC HIỂU	6.0														
	1 - 7	<table><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td></tr><tr><td>B</td><td>C</td><td>B</td><td>A</td><td>C</td><td>A</td><td>D</td></tr></table> Hướng dẫn chấm: Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.	1	2	3	4	5	6	7	B	C	B	A	C	A	D	3.5
1	2	3	4	5	6	7											
B	C	B	A	C	A	D											
	8	Những việc mà thần Tản Viên đã làm để giúp người: - Chữa bệnh cho người đau - Cứu sống rắn thần - Đi lang thang khắp đó đây để giúp đời Hướng dẫn chấm: Mỗi ý lớn được 0,25 điểm	0.5														
	9	- Những phẩm chất đáng quý (về đẹp) của thần núi được thể hiện trong văn bản + Kiên trì nhẫn nại, không nản chí trước việc khó + Giúp đỡ người khác + Không tham lam Hướng dẫn chấm: - Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm - Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0,5 điểm - Trả lời sơ sài: 0,25 điểm - Không trả lời: 0 điểm	1.0														
	10	* Đảm bảo hình thức đoạn văn. * Nội dung: - Con người dù ở bất kì thời kì nào, dù là xa xưa hay hiện đại thì đều có khao khát khám phá thế giới tự nhiên. - Con người xa xưa gửi gắm trong thần thoại niềm tin hồn nhiên, thiêng liêng rằng “vạn vật đều có linh hồn”, ở đó con người có thể “giao tiếp” với muôn vật và cây cỏ, kết bạn hoặc đấu tranh với các vị	1.0														

		thần,... - Niềm tin thiêng liêng đó của con người vẫn luôn tồn tại trong cuộc sống hôm nay, thể hiện qua các hình thức tín ngưỡng của nhân dân., làm cho đời sống tinh thần của con người thêm phong phú. - Niềm tin ấy còn giúp cho con người biết sống gắn bó và bảo vệ thế giới tự nhiên quanh mình. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời đúng một ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm *Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.	
II		LÀM VĂN	4.0
		Viết bài văn nghị luận bàn về vai trò của sự sáng tạo trong cuộc sống	
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. Giới thiệu và dẫn dắt vào sự sáng tạo.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Sự cần thiết của lòng biết ơn trong cuộc sống.	0.5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		* Mở bài: Giới thiệu vấn đề	0,25
		* Thân bài	2,0
		- Giải thích: Sáng tạo: là phát minh ra những điều, những thứ mới lạ giúp cho cuộc sống trở nên thuận tiện, dễ dàng, hiện đại, tiện nghi hơn để thay thế cho những thứ có sẵn. Bên cạnh đó, sáng tạo còn là sự sắp xếp công việc của mình một cách hợp lí, logic để thuận tiện hơn. Sự sáng tạo vô cùng quan trọng và cần thiết trong cuộc sống này nhất là thời kì phát triển hiện nay. - Phân tích + Biểu hiện của sự sáng tạo: ++, Luôn cố gắng tìm tòi, học hỏi, phát minh ra những cái mới, cái hay nhằm mục đích để cuộc sống thuận tiện, dễ dàng hơn. ++, Tìm ra cái mới, cải thiện những cái cũ có sẵn phù hợp, thậm chí là đi trước xu hướng của thời đại. ++, Nghĩ ra cách làm khác, đạt hiệu quả cao hơn trong công việc. + Vai trò, ý nghĩa của sự sáng tạo trong cuộc sống: ++, Sự sáng tạo giúp cho con người chăm chỉ hơn, phát triển bản thân mình nhiều hơn, khai thác được nhiều tiềm năng hơn. ++, Sự sáng tạo khiến cho cuộc sống của con người trở nên tối tân	

	hơn, tiện ích hơn, không chỉ giải quyết được những nhu cầu cần thiết mà còn khiến cho cuộc sống thêm thú vị hơn. - Chứng minh: Gợi ý dẫn chứng về những con người có sự sáng tạo nổi bật: nhà bác học Thomas Edison, Anhtan, nhà vật lí học Acsimet,... - Phản đề: Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người có tư duy, lối sống lạc hậu không chịu tiếp thu, sáng tạo để tiến bộ mà cứ ôm khư khư cách nghĩ của mình,... những người này đáng bị xã hội thẳng thắn phê phán, chỉ trích.	
	* Kết bài: Khái quát lại ý nghĩa, tầm quan trọng của sáng tạo trong cuộc sống; đồng thời liên hệ, rút ra bài học cho bản thân mình. ... Hướng dẫn chấm: - Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. - Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.	0.5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0.25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0.25
Tổng điểm		10,0